TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2019
V/v Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : **Bà Đinh Thị Thu Huyền**

Các hội thẩm nhân dân : 1- **Ông Bùi Thanh Tâm**

2- **Ông Lưu Quang Ngọc**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên Toà bà: **Nguyễn Thị Duyên** - cán bộ Toà án nhân dân huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Thùy Linh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/ TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc: "Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T - sinh năm 1992

Trú tại: Khu 3, xã Thọ Văn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.(có mặt)

Bị đơn: Anh Lê Ngọc H- sinh năm 1988

Trú tại: Khu 3, xã Thọ Văn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trongđơn khởi kiện ngày 17/8/2018 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Lê Ngọc H ngày 10/12/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thọ Văn, huyện Tam Nông, tỉnh phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn chị không về chung sống cùng gia đình anh Hùng mà chị vẫn ở cùng nhà mẹ đẻ tại khu 4, xã Thọ Văn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không có hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai, từ năm 2017 chị

cũng không đi lại với gia đình nhà anh H nữa. Nay chị Thảo xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh H có 01 con chung là Lê Đinh H, sinh ngày 09/9/2012, hiện cháu H đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lê Đinh H. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tài sản chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, cho vay, đất nông nghiệp: Chị T xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, Phía bị đơn anh Lê Ngọc H: Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh Hùng đều vắng mặt.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2019 bà Bùi Thị H (mẹ đẻ anh H) trình bày: Anh H là con trai bà, chị T là con dâu. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 10/12/2011 , đăng ký kết hôn tại UBND xã Thọ Văn, huyện Tam Nông, tỉnh phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu, sau khi chị T kết hôn với anh Hthì chị T vẫn ở nhà mẹ đẻ chị tại khu 4, xã Thọ Văn. Đến năm 2017 thì cuộc sống vợ chồng anh chị mâu thuẫn do vợ chồng ghen tuông nhau trong cuộc sống nên anh chị cãi vã nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh H, Tòa án đã gửi các giấy báo cho anh H đến Tòa án làm việc bà đã nhận được đầy đủ và thông báo cho anh H, anh H biết rõ việc chị T làm đơn xin ly hôn anh nhưng anh H bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án làm việc được. Anh H, chị T có một con chung là Lê Đinh H, sinh ngày 09/9/2012, hiện cháu H đang ở cùng chị T tại nhà mẹ đẻ chị T. Anh chị không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay. Quan điểm của bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu Tòa án báo mà anh H không đến làm việc thì Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh H. Về con chung bà H đề nghị Tòa án giao cháu Lê Đinh H cho chị T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Thọ Văn ngày 05/3/2019 thấy rằng chị T, anh H đều có hộ khẩu thường trú tại khu 3, xã Thọ Văn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 10/12/2011 tại UBND xã Thọ Văn. Sau khi kết hôn chị T vẫn ở nhà mẹ đẻ chị tại khu 4, xã Thọ Văn nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà anh H tại khu 3, xã Thọ Văn. Vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn. Từ năm 2017 đến nay anh chị không ai quan tâm đến ai. Anh chị có 01 con chung là Lê Đinh H, sinh ngày 09/9/2012, hiện cháu H đang ở cùng chị T tại nhà mẹ đẻ chị T. Tòa án có gửi các giấy báo cho anh H, địa phương đều đã nhận được và giao đầy đủ cho gia đình anh Hùng, mẹ anh Hùng là bà Bùi Thị H đã nhận thay cho anh H. Nay chị T xin ly hôn anh H, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh H vì thực tế từ năm 2017 đến nay anh chị không ai còn quan tâm đến ai..

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều

51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, khoản 4 điều 147, khoản 1, điều 227Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326 của Quốc hội xử cho chị T được ly hôn anh H. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Đinh H, sinh ngày 09/9/2012 cho chị T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, công sức, nợ, cho vay không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, □iều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh H là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã Thọ Văn, huyện Tam Nông, tỉnh phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 10/12/2011. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H được tự nguyện tìm hiểu nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị T cho rằng sau khi kết hôn chị không về chung sống cùng gia đình anh H mà chị vẫn ở cùng nhà mẹ đẻ tại khu 4, xã Thọ Văn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không có hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai, từ năm 2017 chị cũng không đi lại với gia đình nhà anh H nữa. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh H. Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh H có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2019 bà Bùi Thị H (mẹ đẻ anh H) trình bày: Anh H là con trai bà, chị T là con dâu. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 10/12/2011 , đăng ký kết hôn tại UBND xã Thọ Văn, huyện Tam Nông, tỉnh phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu, sau khi chị T kết hôn với anh Hthì chị T vẫn ở nhà mẹ đẻ chị tại khu 4, xã Thọ Văn. Đến năm 2017 thì cuộc sống vợ chồng anh chị mâu thuẫn do vợ chồng ghen tuông nhau trong cuộc sống nên anh chị cãi vã nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh H, Tòa án đã gửi các giấy báo cho anh H đến Tòa án làm việc bà đã nhận được đầy đủ và thông báo cho anh H, anh H biết rõ việc chị T làm đơn xin ly hôn anh nhưng anh H bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án làm việc được. Quan điểm của bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu Tòa án báo mà anh H không đến làm việc thì giải quyết cho chị T được ly hôn anh H. Ngày 05/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị T và anh H được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn chị T vẫn ở nhà mẹ đẻ chị tại khu 4, xã Thọ Văn nhưng thỉnh

thoảng vẫn về nhà anh H tại khu 3, xã Thọ Văn. Vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn. Từ năm 2017 đến nay anh chị không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn anh H, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh H vì thực tế từ năm 2017 đến nay anh chị không ai còn quan tâm đến ai. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với □iều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị T và anh Hg có 01 con chung là Lê Đinh H, sinh ngày 09/9/2012, hiện cháu H đang ở cùng chị T tại nhà mẹ đẻ chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu H. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi cho con chung cần xử giao cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Lê Đinh H. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, đất nông nghiệp, công sức: chị T xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1, điều 227Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1, Xử: cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Lê Ngọc H .

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Lê Đinh H, sinh ngày 09/9/2012 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

***3, Về án phí ly hôn sơ thẩm* :** Đinh Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0003531 ngày 04/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện

- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- UBND xã Thọ Văn
- Lưu HS - VP

Đinh Thị Thu Huyền